



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Đầu tư và Thương mại TNG

Ngày 30/09/2025	19,900 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	0.5%	-4.7%	-3.1%

DT thuần Q3/25
2,633
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 105 4.1%
YoY: ▲ 275 11.7%

LN thuần Q3/25
148
tỷ VNĐ
QoQ: ▼ 5.00 -3.4%
YoY: ▲ 9.00 6.3%

LN sau thuế Q3/25
117
tỷ VNĐ
QoQ: ▼ 3.00 -2.5%
YoY: ▲ 6.00 5.4%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
8.3%
YoY: +/-▲ 0.3%

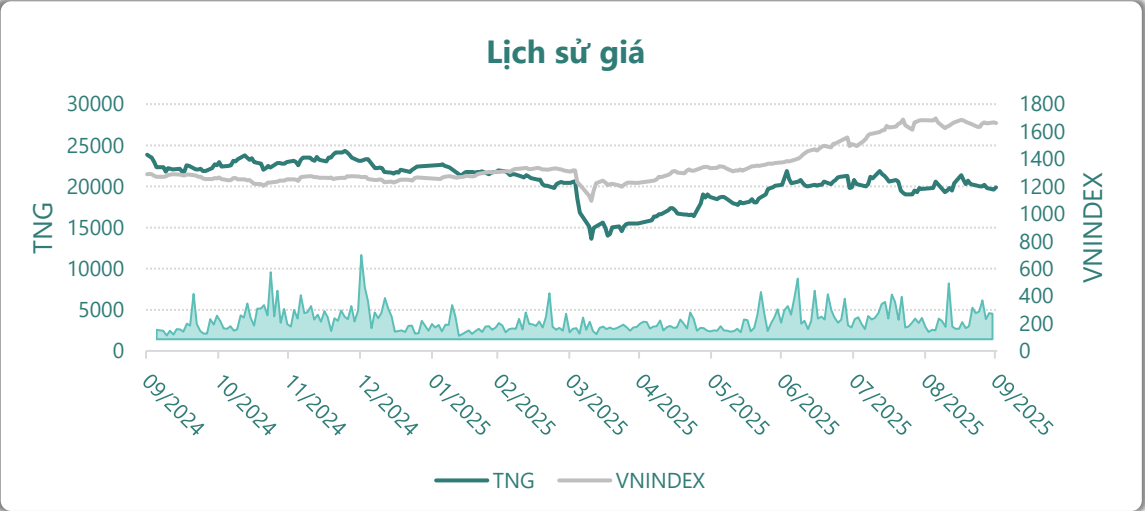
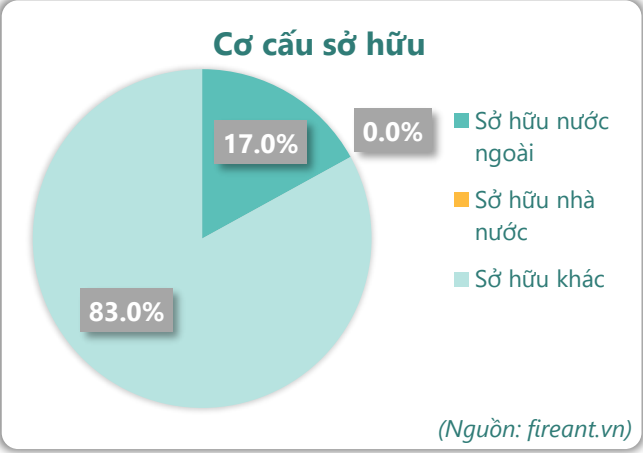
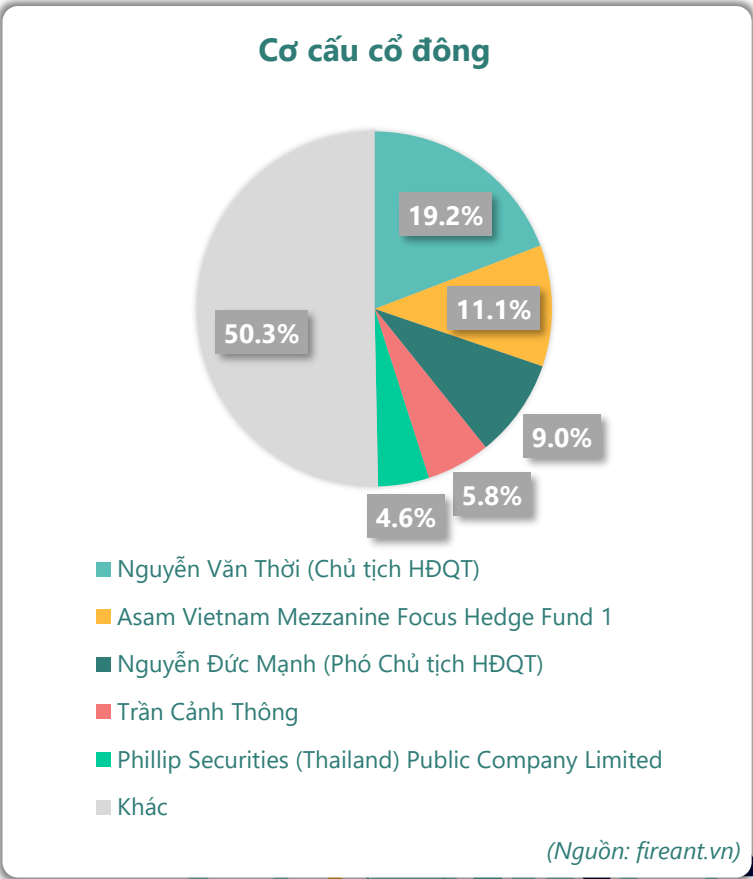
ROE (TTM) Q3/25
18.6%
YoY: +/-▼ 0.6%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	13,631 - 24,324
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,440
Số lượng CPLH (CP)	122,601,206
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,083,610
Sở hữu nước ngoài	17.0%
Beta	1.32
EPS	2,895
P/E	6.9

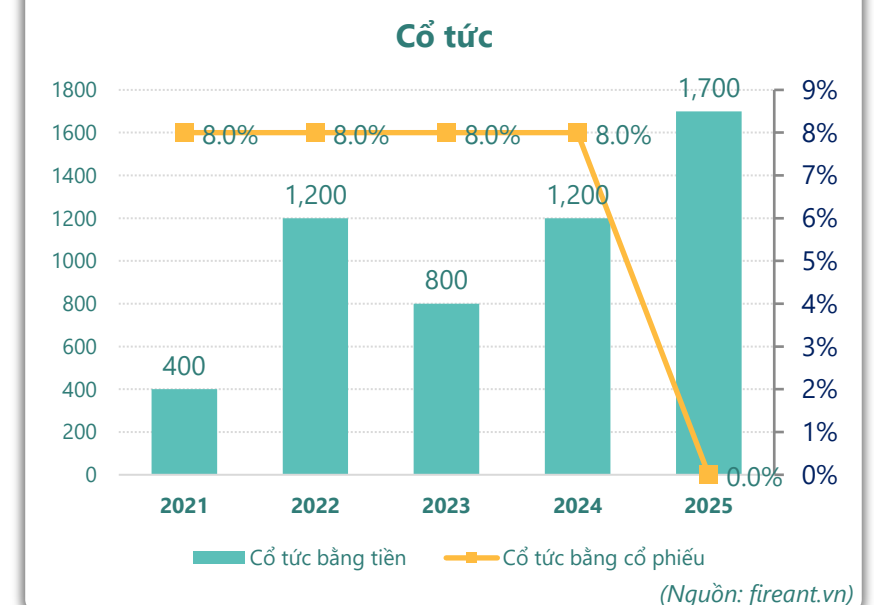
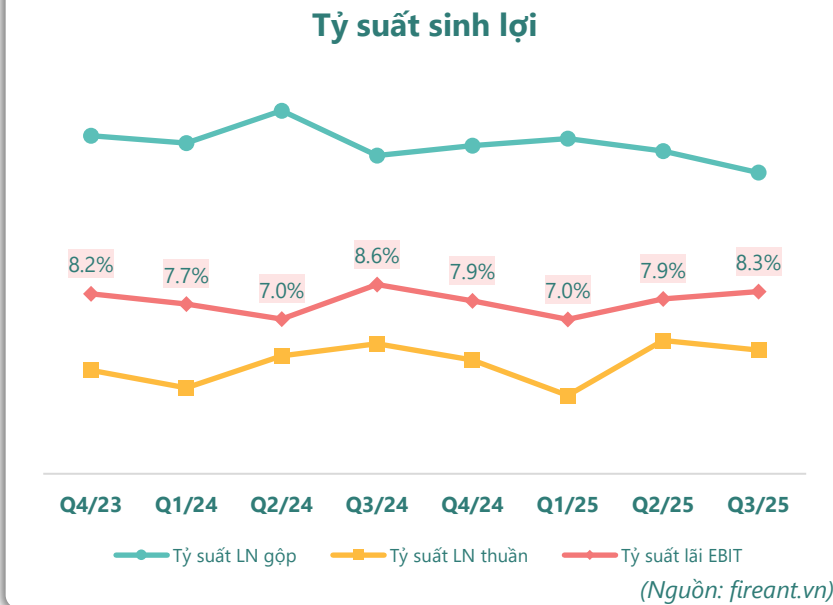
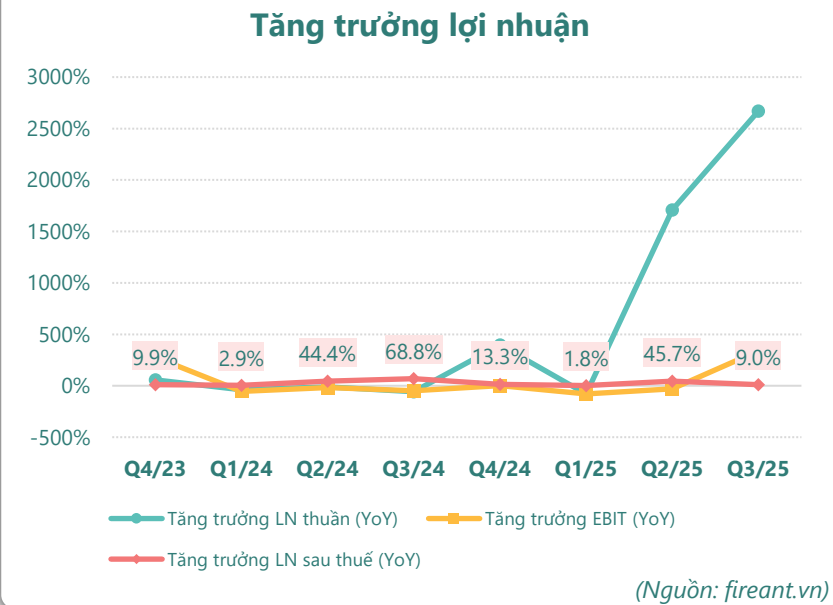
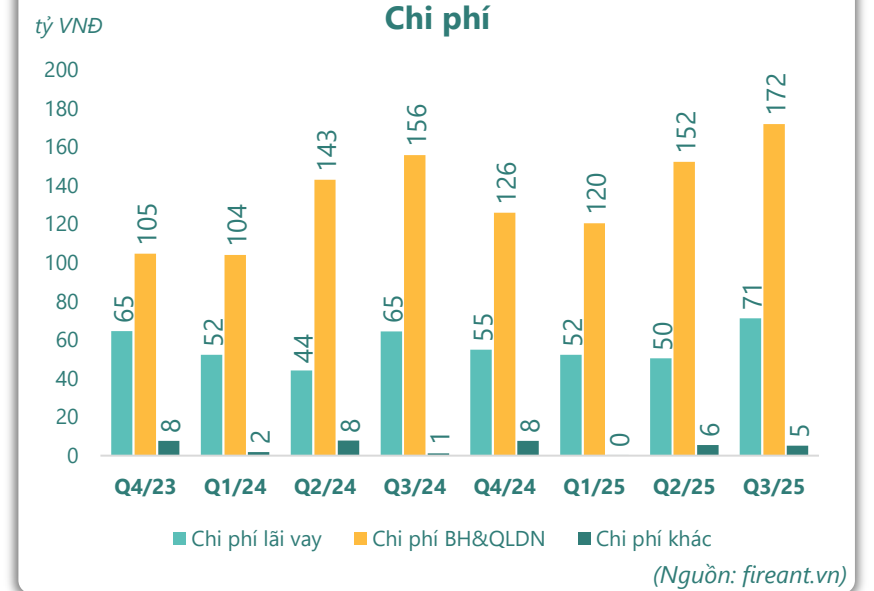
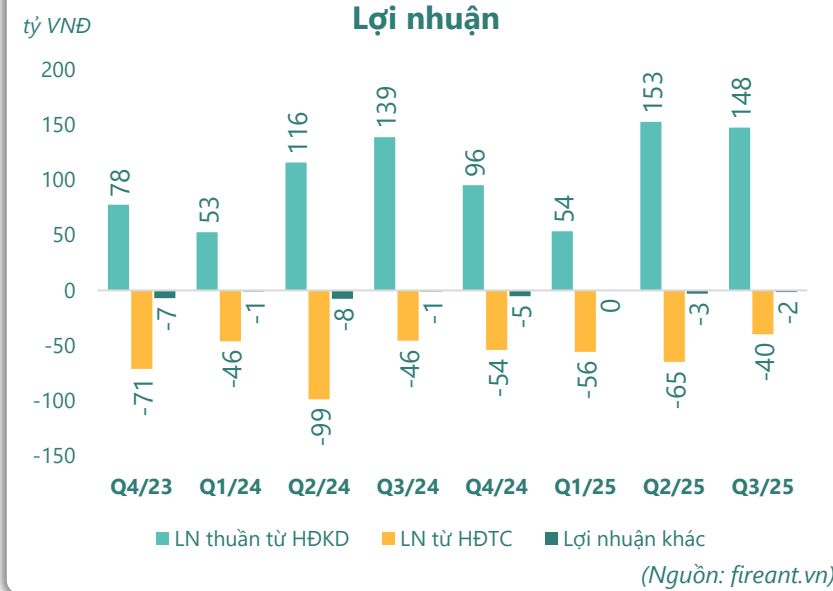
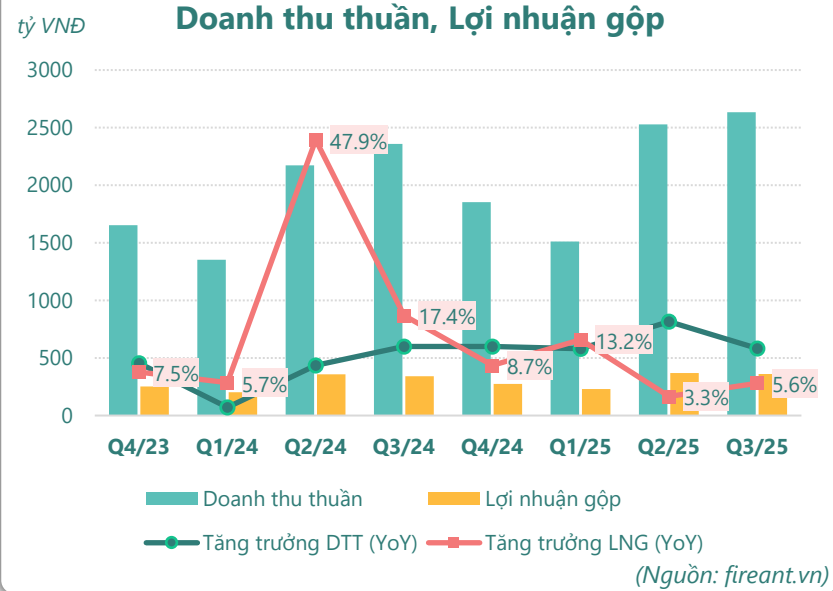
DT thuần 9T 2025
6,671
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 787 13.4%

LN thuần 9T 2025
354
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 46.0 15.1%

LN sau thuế 9T 2025
280
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 39.0 16.4%



KẾT QUẢ KINH DOANH



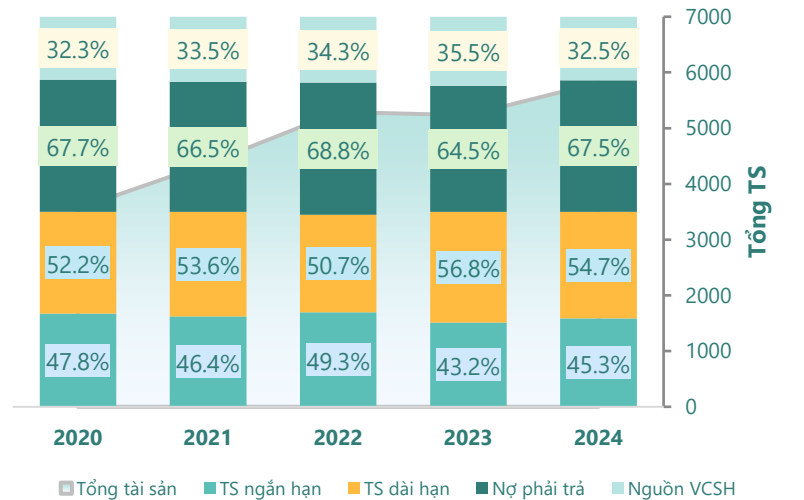


TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

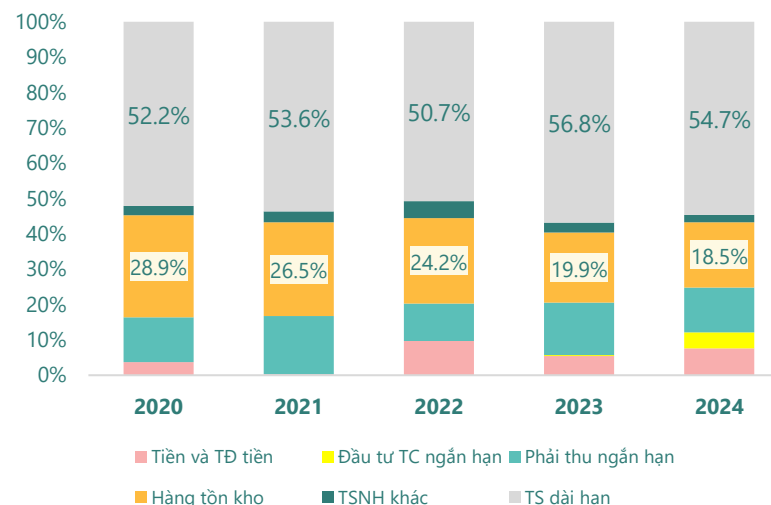
tỷ VNĐ

Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

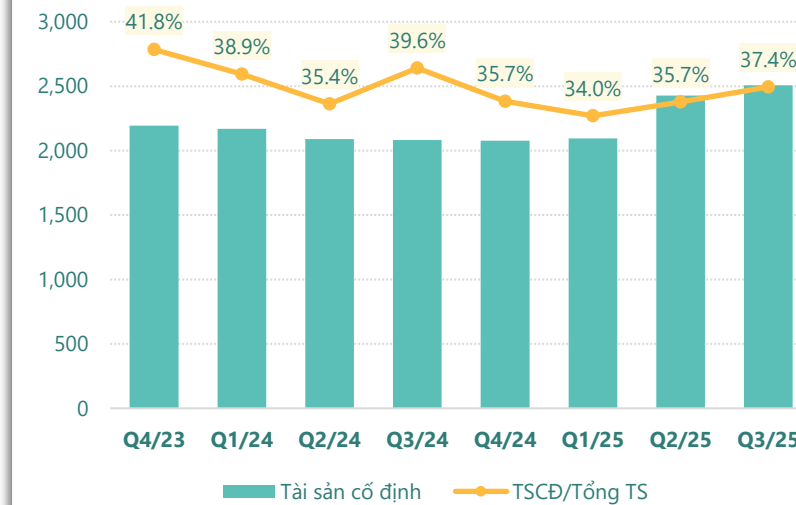
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

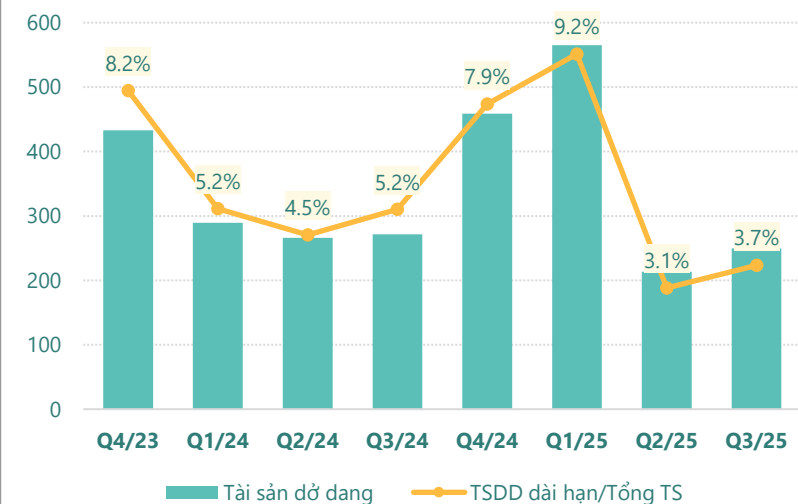
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

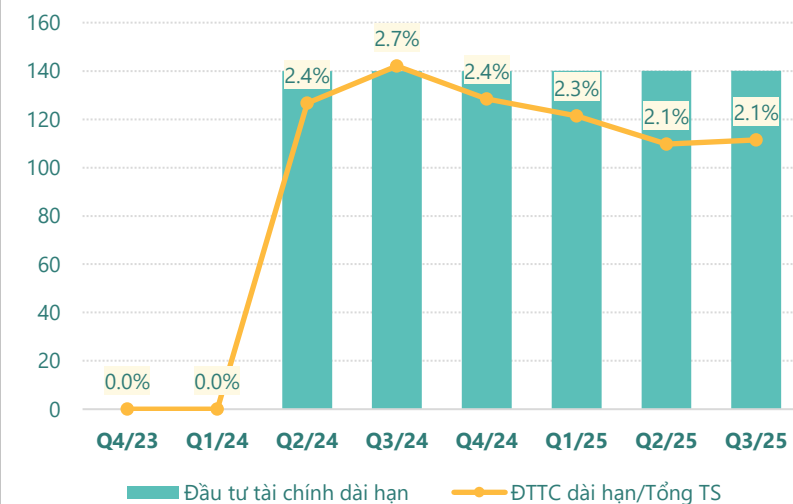
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

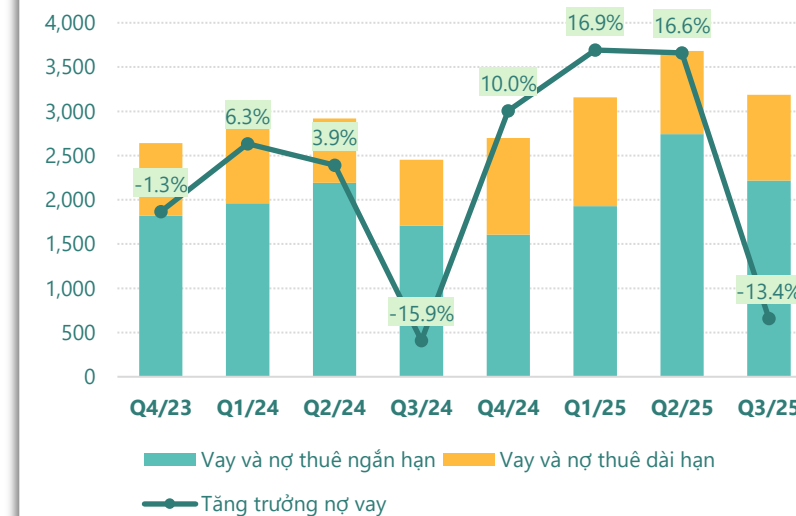
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

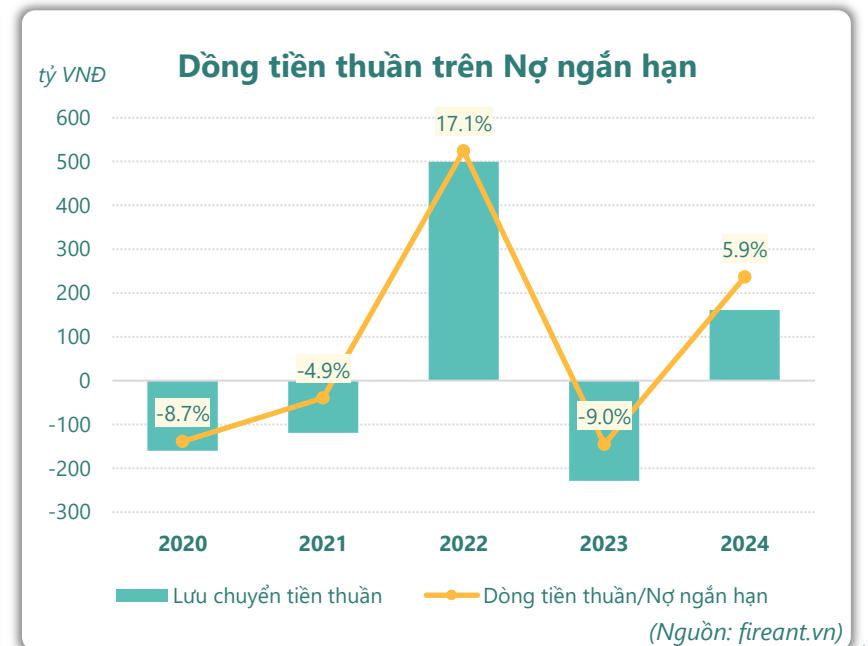
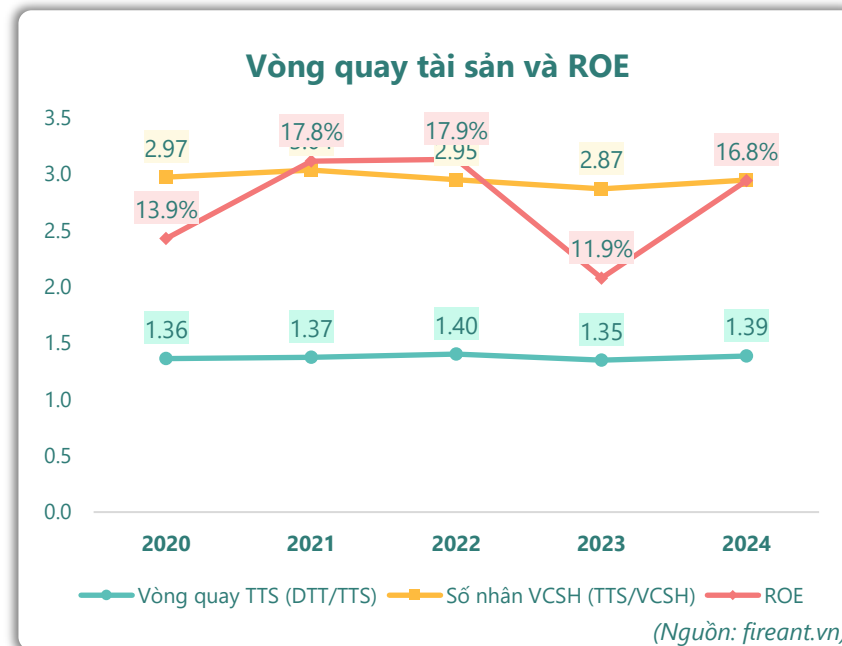
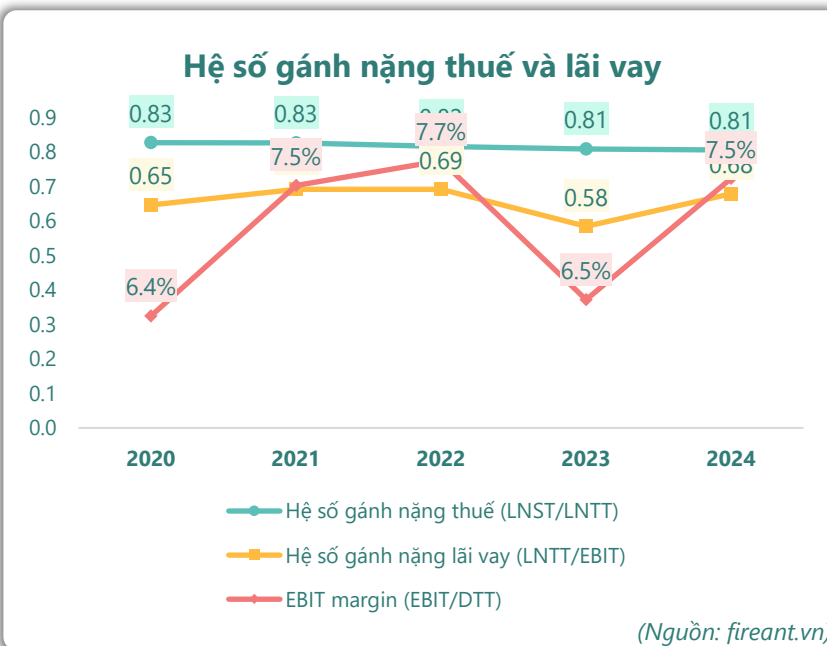
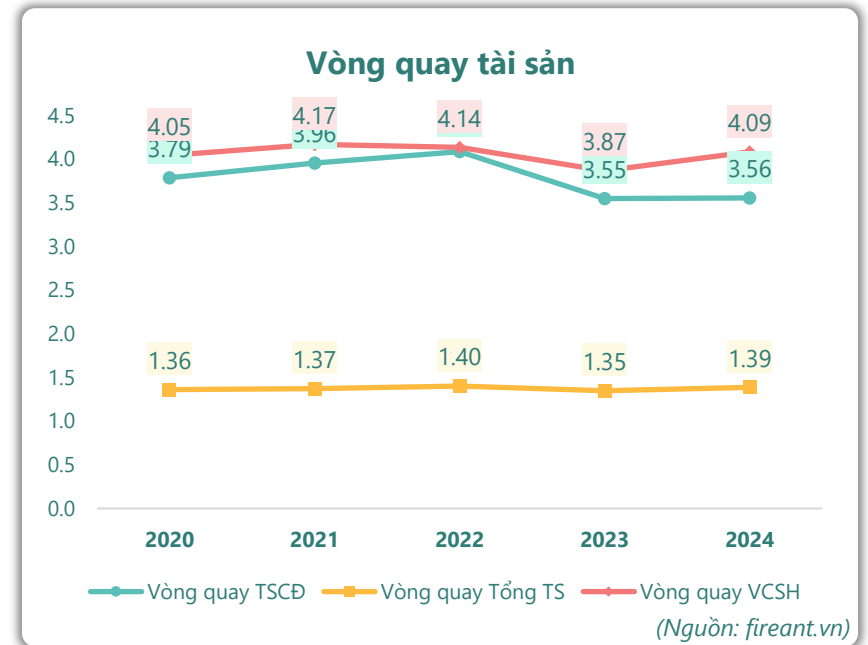
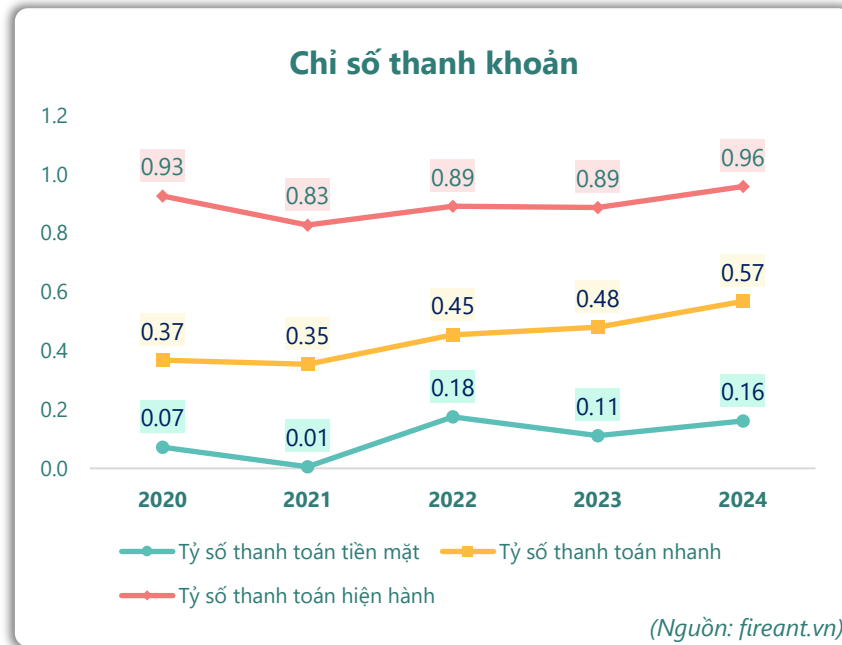
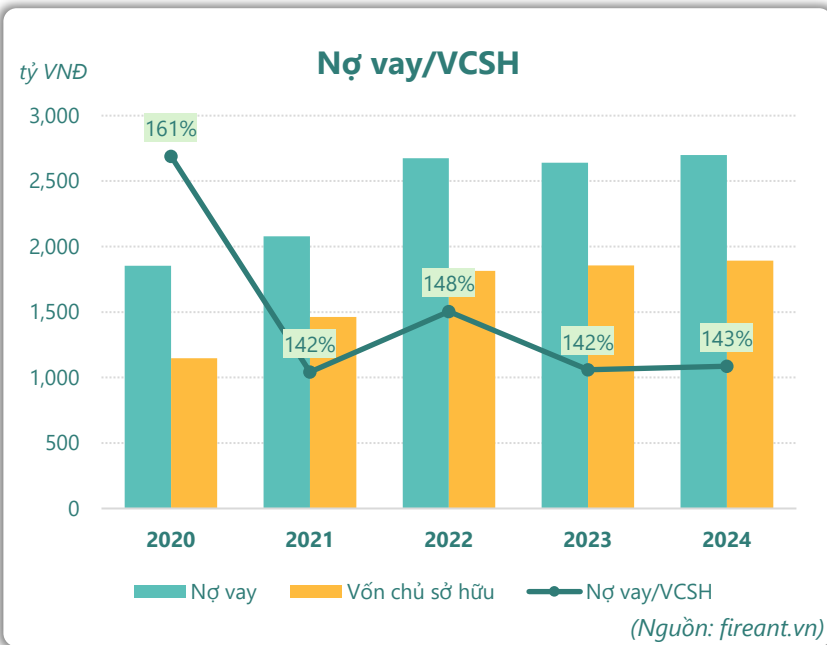
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	2,633	2,358	11.7%	6,671	5,884	13.4%
Giá vốn hàng bán	2,273	2,017	12.7%	5,711	4,983	14.6%
Lợi nhuận gộp	360	341	5.5%	960	902	6.4%
Doanh thu HĐTC	35.5	52.8	-32.8%	88.5	92.8	-4.6%
Chi phí TC	75.4	98.5	-23.4%	249	284	-12.2%
Chi phí lãi vay	71.3	64.5	10.5%	174	161	8.1%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	34.9	36.9	-5.3%	78.3	86.6	-9.6%
Chi phí QLDN	137	119	15.2%	367	316	15.8%
LN thuần từ HĐKD	148	139	6.3%	354	308	15.1%
Lợi nhuận khác	-1.51	-1.06	-42.3%	-4.62	-9.69	52.4%
LN trước thuế	146	138	6.0%	350	298	17.3%
Lợi nhuận sau thuế	117	111	5.4%	280	241	16.4%
LNST của CĐ cty mẹ	117	111	5.4%	280	241	16.4%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-115	517	764	-557	-380	593
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-3.42	-30.1	-185	-59.4	-10.5	-18.9
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	106	-466	-209	406	425	-692
Tiền đầu kỳ	251	238	259	445	234	268
Lưu chuyển tiền thuần	-12.6	20.8	370	-210	33.7	-118
Ảnh hưởng tỷ giá	0.05	0	0.28	0	0.09	0
Tiền cuối kỳ	238	259	645	234	268	151

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	6,702	5,817	15.2%
Tài sản ngắn hạn	3,328	2,638	26.2%
Tiền và tương đương tiền	151	445	-66.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	467	260	79.4%
Phải thu ngắn hạn	1,301	740	75.7%
Hàng tồn kho	1,201	1,074	11.8%
Tài sản ngắn hạn khác	209	118	76.7%
Tài sản dài hạn	3,374	3,179	6.1%
Phải thu dài hạn	10.7	10.7	0.0%
Tài sản cố định	2,508	2,117	18.4%
Bất động sản đầu tư	306	300	1.9%
Tài sản dở dang	250	459	-45.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	140	140	0.0%
Tài sản dài hạn khác	160	152	5.1%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	4,748	3,924	21.0%
Nợ ngắn hạn	3,627	2,751	31.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	2,218	1,607	38.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	804	777	3.6%
Nợ dài hạn	1,122	1,173	-4.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	969	1,093	-11.3%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,954	1,892	3.3%
Vốn chủ sở hữu	1,954	1,892	3.3%
Vốn điều lệ	1,226	1,226	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

